

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 301/2024/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2024 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông **Vũ Văn Đ** - Sinh năm 1987. Địa chỉ: **Số B đường L, tổ A, phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng.**

- Bà **Trần Thị Hoài P** - Sinh năm 1994. Địa chỉ: **Số B đường L, tổ A, phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng**

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông **Vũ Văn Đ** và bà **Trần Thị Hoài P** kết hôn với nhau vào năm 2018 có đăng ký kết hôn tại **UBND phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng** (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 43 ngày 10/4/2018). Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn, ông **Đ** và bà **P** sống tại địa chỉ **số B đường L, tổ A, phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng**. Trong quá trình chung sống đến năm 2024 thì ông bà phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình và quan điểm sống không hợp, vợ chồng không có trách nhiệm với nhau dẫn đến vợ chồng hay xảy ra cãi vã, mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Xét thấy, ông **Vũ Văn Đ** và bà **Trần Thị Hoài P** đã thật sự tự nguyện ly hôn, mâu thuẫn giữa ông **Đ** và bà **P** đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân không tồn tại trên thực tế nên cần áp dụng Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông bà.

[2] Về con chung: Ông **Vũ Văn Đ** và bà **Trần Thị Hoài P** xác nhận vợ chồng không có con chung.

[3] Về tài sản chung: Ông **Vũ Văn Đ** và bà **Trần Thị Hoài P** xác nhận vợ chồng không có tài sản chung.

[4] Về nợ chung: Ông **Vũ Văn Đ** và bà **Trần Thị Hoài P** xác nhận tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông **Vũ Văn Đ** và bà **Trần Thị Hoài P** thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông **Vũ Văn Đ** và bà **Trần Thị Hoài P** xác nhận không có con chung.

- Về tài sản chung: Ông **Vũ Văn Đ** và bà **Trần Thị Hoài P** xác nhận không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Ông **Vũ Văn Đ** và bà **Trần Thị Hoài P** xác nhận tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ ông **Vũ Văn Đ** và bà **Trần Thị Hoài P** tự nguyện chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí ông **Vũ Văn Đ** và bà **Trần Thị Hoài P** đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0001825 ngày 16 tháng 8 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. Ông **Vũ Văn Đ** và bà **Trần Thị Hoài P** đã nộp đủ lệ phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

#### **Nơi nhân:**

- VKSND quận Cẩm Lệ;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ
- UBND phường Thanh Khê Tây, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 43 ngày 10/4/2018)
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ

#### **THẨM PHÁN**

**Đỗ Thị Thu Trang**